

Grade 4

Unit 6: Jim's day

Lesson 1: Words

Sách student book trang 42

Các bạn học từ vựng nha.

1 Listen, point, and repeat. 53



have a shower



brush my teeth



get dressed



have breakfast



get up



catch the bus



walk to school

2 Listen and read. 54

1

Amy I have an email from Jim! Jim is our cousin in Australia. He's a jackaroo.
Max What's a jackaroo?
Leo Jackaroos work on sheep farms.

2

Amy It's a great job! He gets up early every morning. He rides a horse and he looks after the sheep.

3

Max It's dangerous! There are lots of snakes in Australia. Does Jim see a lot of snakes?
Amy Yes, he does. Look!

4

Leo Jim is lucky. I want to be a jackaroo.
Max I don't! I don't want a dangerous job!

Lesson 2: Grammar

Sách student book trang 43

Ngữ pháp : Hiện tại đơn (present simple)

I. CÔNG THỨC THÌ HIỆN TẠI ĐƠN

1. Câu khẳng định

Động từ thường chỉ hành động: eat, go, swim, work.....

S (chủ ngữ) + V (s/es) (động từ thêm s/es)

I/ We/ You/ They/ Danh từ số nhiều + V (động từ nguyên thể)

He/ She/ It/ Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được + V(động từ s/es)

Ví dụ :

- I often **go** to school by bus (Tôi thỉnh thoảng đến trường bằng xe buýt)
- He usually **gets** up early. (Anh ấy thường xuyên dậy sớm)
- She **does** homework every evening. (Cô ấy làm bài về nhà mỗi tối)
- The Sun **sets** in the West. (Mặt trời lặn ở hướng Tây)

LƯU Ý

- Với các từ có tận cùng là “o”, “ch”, “sh”, “x”, “s” “z” thì khi dùng với ngôi số ít, thêm đuôi “es”. (*go – goes; do – does; watch – watches; fix – fixes, miss – misses, wash – washes*)
- Với các từ có tận cùng là “y” thì khi dùng với ngôi số ít, bỏ “y” và thêm đuôi “ies” (*copy – copies; study – studies*)

- Với các từ còn lại, thêm đuôi “s”. (*see – sees; play – plays, ...*)

2. Câu phủ định

Động từ chỉ hành động: swim/ run/ plays/watch/ go/

Chủ ngữ + do/ does + not+ động từ nguyên thể
= Chủ ngữ + don’t / doesn’t + động từ nguyên thể

Ví dụ:

I don’t go to school by bus.

My doesn’t work in a bank.

Lưu ý:

Đối với Câu phủ định, phần động từ thường, các bạn rất hay mắc phải lỗi thêm “s” hoặc “es” đằng sau động từ. Các bạn chú ý:

Chủ ngữ + don’t/ doesn’t + V (nguyên thể - không chia)

Ví dụ:

Câu sai: She ~~doesn’t like~~ chocolate. (Sai vì đã có “doesn’t” mà động từ “like” vẫn có đuôi “s”)

=> Câu đúng: She doesn’t like chocolate.

3. Câu nghi vấn

Câu nghi vấn sử dụng trợ động từ (Câu hỏi Yes/ No)

Câu hỏi : Do + you/ they/ chủ ngữ số nhiều + động từ nguyên thể?

Câu trả lời: Yes,do

No,don't.

Ví dụ: Do you get up early?

Yes, I do.

Câu hỏi : **Does he/ she/ chủ ngữ số ít + động từ nguyên thể?**

Câu trả lời :

Yes, he/ she does.

No, he/ she doesn't.

Ví dụ: Does Tim do homework in the evening?

No, he doesn't.

II. Cách dùng thì hiện tại đơn trong trường hợp thường

Thì hiện tại đơn được sử dụng để:

- Nói về một thói quen lặp đi lặp lại hàng ngày: *I always get up at 6.am*
- Nói về sự thật, chân lý hiển nhiên: *The sun sets in the west*
- Nói về khả năng của ai đó: *She plays basketball very well*
- Nói về lịch trình định sẵn thường xuyên, quy trình: *This train goes to Milan at 9a.m tomorrow.*

Trong cách sử dụng thì hiện tại đơn thường xuất hiện các trạng từ chỉ tần suất cơ bản như: *always, usually, often, sometimes, rarely, every day, once a month, in the morning, once in a blue moon...*

1 Listen to the story and repeat. Act.

2 Listen and repeat. 55

Let's learn!

Look at Vinh. He wants to be a farmer!

He **gets** up early.
He **doesn't get** up early.

Does he **live** in a big house?
Yes, he **does**. **No**, he **doesn't**.
What time **does** he **start** work?

We **catch** the bus.
They **don't catch** the train.

Do you **walk** to school?
Yes, I **do**. **No**, I **don't**.
What time **do** you **go** to school?



But farmers get up early every morning.
Vinh doesn't get up early!

3 Read and circle.

1 Vinh get / gets up at six o'clock.

2 I has / have breakfast with my family.

3 Do / Does she have a shower at night?

4 They doesn't / don't catch the bus to work.

5 He doesn't / don't walk to school.

6 Do / Does they brush their teeth at night?

4 Write.



Minh gets up (get up)
at six o'clock.



Mi _____ (brush)
her teeth every morning.



Ly and Vy _____
(not catch) the bus to school.



Lam _____ (have)
breakfast with his family.

Lesson

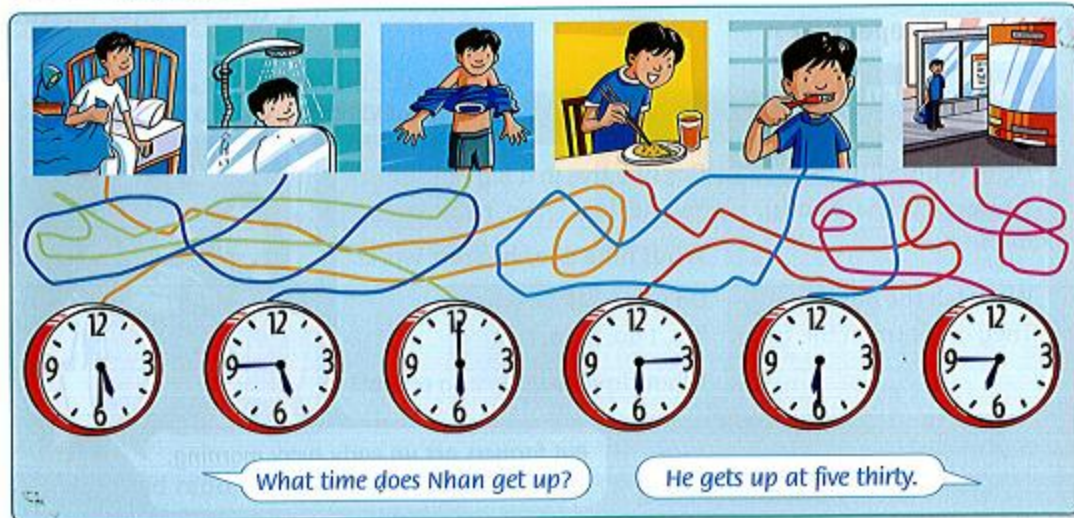
3:

Grammar and song

Sách student book trang 44

Lesson Three Grammar and Song

1 Ask and answer.



What time does Nhan get up? He gets up at five thirty.

2 Write about Nhan.

Nhan gets up at five thirty. He ...

3 Listen and sing. 56

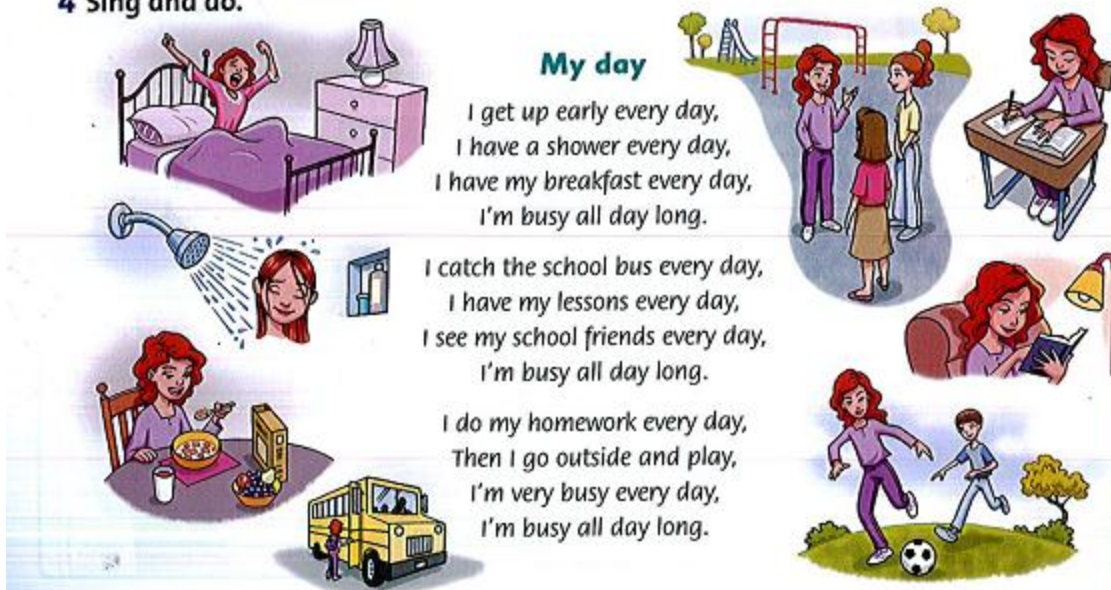
4 Sing and do.

My day

I get up early every day,
I have a shower every day,
I have my breakfast every day,
I'm busy all day long.

I catch the school bus every day,
I have my lessons every day,
I see my school friends every day,
I'm busy all day long.

I do my homework every day,
Then I go outside and play,
I'm very busy every day,
I'm busy all day long.



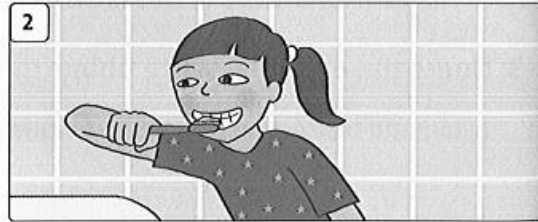
Bài tập workbook trang 40

Các bạn nhìn hình và đặt câu. Tất cả các câu đều bắt đầu Every morning I.....

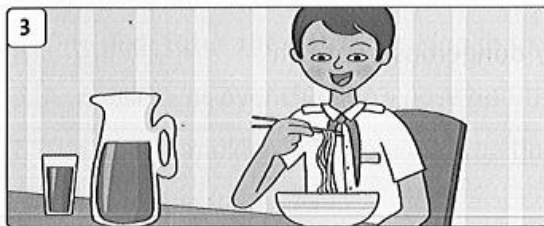
2 Write.



Every morning I get up.



Every



Bài tập workbook trang 41

Các bạn nhìn hình, một ngày của hai bạn Harry và Molly, đọc và nói câu hỏi với câu trả lời.

1 Match the question and answer.



- | | |
|--|--------------------|
| 1 Does Harry get up early? <input checked="" type="checkbox"/> | a Yes, she does. |
| 2 Does Molly brush her teeth? <input type="checkbox"/> | b No, he doesn't. |
| 3 Do Harry and Molly have breakfast? <input type="checkbox"/> | c No, she doesn't. |
| 4 Does Molly have breakfast with her family? <input type="checkbox"/> | d No, they don't. |
| 5 Does Harry have a shower? <input type="checkbox"/> | e Yes, he does. |
| 6 Do Harry and Molly catch the bus to school? <input type="checkbox"/> | f Yes, they do. |


Bài tập workbook trang 42

Các bạn đặt câu hỏi . Tất cả các câu hỏi bắt đầu với Do you ... sau đó thêm động từ trong khung phù hợp.

2 Write.

brush get up walk have have

1	Do you <u>walk</u> to school?	Yes, I do.
2	_____ a shower?	No, I don't.
3	_____ your teeth?	Yes, I do.
4	_____ late?	No, I don't.
5	_____ breakfast with your family?	Yes, I do.



Bài tập workbook trang 43. Các bạn nhìn hình và giờ trong từng hình, đọc câu và chọn 1 đáp án đúng.

1 Look at the picture. Read the sentences. Fill in the correct circle.



- (A) The boy gets up at seven thirty. ☒
- (B) The boy has breakfast at seven thirty. ☐
- (C) The boy doesn't get dressed at seven thirty. ☐



- (A) The boy catches the bus at eight fifteen. ☐
- (B) The boy has breakfast at eight fifteen. ☐
- (C) The boy doesn't have a shower at eight fifteen. ☐



- (A) The boy doesn't catch the bus at eight forty-five. ☐
- (B) The boy gets dressed at eight forty-five. ☐
- (C) The boy catches the bus at eight forty-five. ☐